

Tân Thịnh, ngày 05 tháng 8 năm 2022

CÔNG KHAI THUYẾT MINH
**Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện quyết toán ngân sách
Phường Tân Thịnh năm 2021**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 12 năm 2016 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 Quy định về quản lý ngân sách xã và hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

UBND xã thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện quyết toán ngân sách xã năm 2021 như sau:

1. Thu ngân sách:

1.1. Thu ngân sách nhà nước:

Tổng thu ngân sách: 16.810.868.793đ/14.296.121.252đ = 118%

Trong đó:

- Thu ngân sách nhà nước thực hiện: 8.725.747.541đ/ 6.211.000.000đ đạt 140% kế hoạch.

- Thu đóng góp thực hiện: 110.911.000đ/110.911.000đ đạt 100% kế hoạch.

- Thu bổ sung NS thực hiện: 6.406.857.000đ/ 6.406.857.000đ đạt 100% kế hoạch.

- Thu chuyển nguồn năm trước thực hiện: 897.051.289đ/ 897.051.289đ đạt 100% kế hoạch

- Thu kết dư ngân sách năm 2020: 670.301.963đ/ 670.301.963đ đạt 100% kế hoạch

Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 kéo dài, Chính phủ thực hiện nhiều chính sách miễn giảm, dẫn thuế cho Doanh nghiệp và hộ kinh doanh, nên đã có ảnh hưởng lớn đến công tác thu ngân sách, đặc biệt là các chỉ tiêu: thuế GTGT và thu nhập cá nhân từ hộ. Xuất phát từ tình hình nêu trên để đảm bảo thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước và thu ngân sách xã, cũng như bảo đảm thực hiện nhiệm vụ tài chính năm 2021. UBND phường đã kịp thời chỉ đạo thực hiện các giải pháp và điều hành nhiệm vụ thu ngân sách đạt được kết quả cao so với dự toán thành phố giao và Nghị quyết của Đảng bộ phường đề ra.

1.2. Thu ngân sách phường:

Tổng thu ngân sách xã thực hiện: 11.897.898.147đ/10.200.121.252đ đạt 117% kế hoạch

Trong đó:

- Thu điều tiết thực hiện: 3.812.776.895đ/ 2.115.000.000đ đạt 180% kế hoạch
- Thu đóng góp thực hiện: 110.911.000đ/110.911.000đ đạt 100% kế hoạch.
- Thu bổ sung NS thực hiện: 6.406.857.000đ/ 6.406.857.000đ đạt 100% kế hoạch.
- Thu chuyển nguồn năm trước thực hiện: 897.051.289đ/ 897.051.289đ đạt 100% kế hoạch
- Thu kết dư ngân sách năm 2020: 670.301.963đ/ 670.301.963đ đạt 100% kế hoạch.

Thu ngân sách phường năm 2021, đảm bảo nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ trên địa bàn phường, nhất là việc thực hiện các chế độ liên quan đến cán bộ công chức, người lao động và các nhiệm vụ chính trị quan trọng khác.

1.3. Đánh giá kết quả thu NSNN:

Năm 2021 do ảnh hưởng dịch Covid-19, tuy nhiên công tác thu NSNN trên địa bàn phường hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch thành phố giao, nhiều chỉ tiêu đạt cao như: Thuế thu nhập cá nhân từ đất, lệ phí trước bạ, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, phí lệ phí và thu khác. Có được kết quả thu như trên do có sự chỉ đạo kịp thời của Đảng ủy, HĐND, sự quyết tâm của UBND phường, sự phối hợp của các ban ngành, tổ dân phố trong công tác thu ngân sách. Tuy nhiên bên cạnh đó còn có một số chỉ tiêu thu chưa đạt tiến độ như: Thuế GTGT, thuế thu nhập cá nhân từ hộ, phí môn bài.

2. Chi ngân sách phường:

Tổng chi ngân sách thực hiện: 11.748.015.800đ/11.748.015.800đ đạt 100% kế hoạch.

Trong đó:

- Chi thường xuyên thực hiện: 8.683.976.261đ/ 8.683.976.261đ, đạt 100% kế hoạch.
- Chi chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022: 3.064.039.558đ/ 3.064.039.558đ đạt 100% kế hoạch

Công tác quản lý và điều hành nhiệm vụ chi ngân sách năm 2021, đã bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ chính trị và kế hoạch của địa phương đề ra. Đã đảm bảo chi đầy đủ các chế độ liên quan đến cán bộ công chức, người lao động và các nhiệm vụ chính trị, các hoạt động của Đảng, chính quyền, MTTQ, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội, hoạt động của tổ dân phố. Ngoài nhiệm vụ chi thường xuyên, phường đã chủ động bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh như: phòng chống bệnh Covid-19 và những nhiệm vụ khác của địa phương. Trong năm có các khoản chi tăng so với dự toán đầu năm là do ngân sách tỉnh, ngân sách thành phố cấp bổ sung có mục tiêu, UBND phường đã thực hiện nhiệm vụ cụ thể như: Kinh phí chi cho lực lượng làm nhiệm vụ tại chốt kiểm tra liên ngành phòng chống dịch Covid-19;

3. Thu quỹ công chuyên dùng và vận động đồng góp ủng hộ khác:

Năm 2021, 12 tổ dân phố đã thực hiện thu nộp đầy đủ các loại quỹ bảo đảm đúng kế hoạch và thời gian quy định.

Ngoài ra trong năm đã triển khai, vận động các tổ dân phố, các tổ chức ủng hộ phòng chống dịch Covid-19, số tiền thu được của các tổ dân phố, các tổ chức đã nộp về quỹ phòng chống Covid-19 của tỉnh, thành phố và ngân sách phường để chi phục vụ công tác phòng chống covid-19.

II. Chênh lệch thu - chi ngân sách:

- Tổng thu ngân sách phường được hưởng: 11.897.898.147 đồng.
- Tổng chi ngân sách phường: 11.748.015.800 đồng.
- Kết dư ngân sách năm 2021(thu – chi): 149.882.347 đồng.

KẾ TOÁN



Nguyễn Bích Ngọc



QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021
của phường Tân Thịnh

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN THỊNH

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số: 13696/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND Thành phố Thái Nguyên về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021 thành phố Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28/07/2022 của Hội đồng nhân dân phường Tân Thịnh về việc phê chuẩn báo cáo quyết toán thu chi ngân sách năm 2022 của UBND phường Tân Thịnh;

Xét đề nghị của Ban Tài chính phường Tân Thịnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách và quỹ công chuyên dùng và các hoạt động tài chính khác năm 2021 của UBND phường Tân Thịnh

(Các biểu mẫu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND phường Tân Thịnh, Ban Tài chính tổ chức thực

Trong thời gian niêm yết các ban ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội và các cá nhân có ý kiến phản ánh xin gửi về văn phòng UBND phường Tân Thịnh (Chỉ tiếp nhận ý kiến bằng văn bản)

Vậy UBND Phường Tân Thịnh thông báo tới toàn thể nhân dân được biết đến tại trụ sở UBND xã để xem niêm yết công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách Phường năm 2023 trình Hội đồng nhân dân xã kỳ họp thứ 5 HĐND xã theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH thành phố TN;
- TT Đảng ủy, HĐND phường ;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Ủy ban MTTQ phường;
- Các tổ chức chính trị xã hội phường;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Bằng

BẢNG CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2021
(Quyết toán được hội đồng nhân dân phê duyệt)

		Đơn vị: đồng	
Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng số thu	11 897 898 147	Tổng chi	11 748 015 800
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	208.664.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	3 715 023 895	II. Chi thường Xuyên	8 683 976 242
III. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách (nếu có)	897 051 289	III. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách (nếu có)	3 064 039 558
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	670 301 963	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
III. Thu bổ sung ngân sách cấp trên	6 406 857 000		
- Bổ sung cân đối	2.892.451.000		
- Bổ sung có mục tiêu	3 514 406 000		
Kết dư ngân sách	149 882 347		

Ghi chú(1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí, luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách xã kh được hưởng

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)
Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	14.296.121.252	10.200.121.252	16.799.304.783	11.897.898.147	117,51	116,64
I. Các khoản thu 100%	170.911.000	170.911.000	208.664.000	208.664.000	122,09	122,09
- Phí, lệ phí	60.000.000	60.000.000	55.048.000	55.048.000	91,75	91,75
- Đóng góp theo quyết định của Nhà nước						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	110.911.000	110.911.000	110.911.000	110.911.000	100	100
- Thu khác			42.705.000	42.705.000		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	6.151.000.000	2.055.000.000	8.616.430.531	3.715.023.895	140,08	180,78
1. Các khoản thu phân chia	1.030.000.000	580.000.000	1.998.472.346	1.061.386.193	194,03	183
- Phí bảo vệ môi trường						
- Thuế nông nghiệp hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	130.000.000	130.000.000	124.300.000	124.300.000	95,62	95,62
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	400.000.000	200.000.000	531.617.813	265.808.910	132,9	132,9
- Lệ phí trước bạ nhà, đất, ô tô, xe máy	500.000.000	250.000.000	1.342.554.533	671.277.283	268,51	268,51
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	5.121.000.000	1.475.000.000	6.617.958.185	2.653.637.702	129,23	179,91
- Thuế thu nhập cá nhân từ đất	1.900.000.000	950.000.000	4.443.971.277	2.221.985.643	233,89	233,89
- Thuế giá trị gia tăng	1.750.000.000	525.000.000	1.438.840.039	431.652.059	82,22	82,22
- Thuế TN cá nhân từ HD cho thuê TS			14.700.000			
- Thuế thu nhập cá nhân hộ KD	950.000.000		708.484.130		74,58	
- Thuế GTGT DV hàng hóa SX trong nước	21.000.000		7.600.000		36,19	
- Thu phạt trong lĩnh vực thuế			4.362.739			
- Đất được nhà nước giao	500.000.000					
IV. Thu chuyển nguồn	897.051.289	897.051.289	897.051.289	897.051.289	100	100
V. Thu kết dư ngân sách năm trước	670.301.963	670.301.963	670.301.963	670.301.963	100	100
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.406.857.000	6.406.857.000	6.406.857.000	6.406.857.000	100	100
- Bổ sung cân đối ngân sách	2.892.451.000	2.892.451.000	2.892.451.000	2.892.451.000	100	100
- Bổ sung có mục tiêu	3.514.406.000	3.514.406.000	3.514.406.000	3.514.406.000	100	100

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)
Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTP T	TX	Tổng số	ĐTP T	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng chi	11.748.015.819		11.748.015.819	11.748.015.800		11.748.015.800	100		100
I. Chi thường xuyên	8.683.976.261		8.683.976.261	8.683.976.242		8.683.976.242	100		100
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	1.037.957.234		1.037.957.234	1.037.957.234		1.037.957.234	100		100
- Chi dân quân tự vệ	688.096.284		688.096.284	688.096.284		688.096.284	100		100
- Chi trật tự an toàn xã hội	349.860.950		349.860.950	349.860.950		349.860.950	100		100
5. Chi văn hóa, thông tin	82.961.972		82.961.972	82.961.972		82.961.972	100		100
7. Chi thể dục, thể thao	20.030.000		20.030.000	20.030.000		20.030.000	100		100
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	7.293.987.055		7.293.987.055	7.293.987.036		7.293.987.036	100		100
Trong đó: Quỹ lương				3.743.364.926		3.743.364.926			
10.1. Quản lý Nhà nước	5.029.739.680		5.029.739.680	5.029.739.681		5.029.739.681	100		100
10.2. Hội đồng nhân dân	658.268.238		658.268.238	658.268.238		658.268.238	100		100
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	773.004.012		773.004.012	773.004.012		773.004.012	100		100
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	278.388.285		278.388.285	278.388.285		278.388.285	100		100
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	123.223.306		123.223.306	123.223.306		123.223.306	100		100
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	133.622.257		133.622.257	133.622.237		133.622.237	100		100
10.7. Hội Cựu chiến binh	91.105.900		91.105.900	91.105.900		91.105.900	100		100
10.8. Hội Nông dân	86.481.777		86.481.777	86.481.777		86.481.777	100		100
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	26.104.800		26.104.800	26.104.800		26.104.800	100		100
10.10. Hội Người cao tuổi	29.680.800		29.680.800	29.680.800		29.680.800	100		100
10.11. Hội khuyến học	16.092.000		16.092.000	16.092.000		16.092.000	100		100
10.12. Hội đặc thù	48.276.000		48.276.000	48.276.000		48.276.000	100		100
11. Chi cho công tác xã hội	249.040.000		249.040.000	249.040.000		249.040.000	100		100
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	94.656.000		94.656.000	94.656.000		94.656.000	100		100
- Chi quà lễ tế, hỗ trợ nhà ở cho người có công với CM	109.800.000		109.800.000	109.800.000		109.800.000	100		100
- Khác	44.584.000		44.584.000	44.584.000		44.584.000	100		100
13. Dự phòng									

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)
Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH	THU	CHI	CHÊNH LỆCH
A	1	2	3	4	5	6
TỔNG SỐ				496.923.122	192.426.600	304.496.522
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách				496.923.122	192.426.600	304.496.522
+ Quỹ người mù				15.030.000	1.000.000	14.030.000
+ Quỹ da cam				44.099.000	14.600.000	29.499.000
+ Quỹ Bảo trợ trẻ em				78.871.800	14.500.000	64.371.800
+ Quỹ Đền ơn Đáp nghĩa				48.256.300	14.432.000	33.824.300
+ Quỹ người cao tuổi				61.434.301	45.997.000	15.437.301
+ Quỹ nhân đạo				66.823.500	42.880.000	23.943.500
+ Quỹ Khuyến học				38.558.000		38.558.000
+ Quỹ Vì người nghèo				131.148.721	46.800.000	84.348.721
+ Quỹ Phòng chống Thiên tai				12.701.500	12.217.600	483.900
2. Các hoạt động sự nghiệp						